

Số: /BC-TrMN

Yên Từ, ngày 12 tháng 01 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Sơ kết học kì I, năm học 2025 - 2026**

Thực hiện kế hoạch số 35/KH-TrMN ngày 06/10/2025 của trường mầm non Yên Nhân về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026. Kế hoạch công tác tháng 01 năm 2026 và tình hình thực tế của của nhà trường. Trường mầm non Yên Nhân báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường học kỳ I năm học 2025- 2026 như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

##### **1. Thuận lợi:**

Trường mầm non Yên Nhân luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể trong xã, đặc biệt là sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của các bậc phụ huynh.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về chất lượng; Chế độ chính sách ổn định. CBGVNV trong trường luôn nhiệt tình, đoàn kết và 100% CBGVNV trong trường đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

Cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được cải tạo nâng cấp.

Nhà trường nhiều năm liên tục được UBND huyện tặng giấy khen nên đã tạo đà cho đội ngũ CBQL và GVNV trong nhà trường phấn đấu thực hiện tốt công tác CSNDGD trẻ.

##### **2. Khó khăn:**

- Điểm trường khu Liên Phương đang được khởi công xây dựng, các lớp đôn trẻ phần nào cũng làm ảnh hưởng đến quá trình CSNDGD trẻ.

- Cả 3 điểm trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Một số giáo viên cao tuổi chưa thực sự có nhiều đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, khả năng UDCNTT còn hạn chế

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:**

##### **1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục:**

- Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc kết luận số 01-KL/TW của bộ chính trị về tiếp tục thực hiện chỉ thị số 05 của Bộ chính trị khoá XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, các văn bản quy phạm pháp luật như Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, các văn bản về phòng, chống dịch, văn bản quy định về ATGT... Đồng thời triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 10/KH-TrMN ngày 04/04/2025 về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030 phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường và của địa phương; Kế hoạch nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định đảm bảo đời sống cho CB, GV, NV yên tâm công tác.

- Ban giám hiệu tích cực chủ động trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, chương trình, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tổ chức cho 100% CBGV tham gia lớp tập huấn tiếp cận, ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Steam vào chương trình GD trẻ.

- Chỉ đạo thực hiện xây dựng môi trường văn hóa, trường học hạnh phúc, khung cảnh sư phạm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

- Thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục, 100% CB, GV, NV tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý chăm sóc, nuôi dưỡng, GD tại nhà trường và phối hợp với phụ huynh CSNDGD trẻ ở nhà. Tích cực đổi mới tư duy quản lý nhà trường. Ban giám hiệu, các Tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên phát huy vai trò làm việc trong môi trường sư phạm thân thiện, giúp đỡ đồng nghiệp, cùng nhau tiến bộ.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ theo thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của các CSGD công lập; thực hiện nghiêm túc thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- 100% giáo viên toàn trường thực hiện đúng quy định pháp luật. Thực hiện cam kết các điều kiện và chất lượng CS&GD trẻ, thực hiện nghiêm công tác phòng chống các dịch bệnh. Tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ, giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ đối với các hoạt động của nhà trường, xử lý nghiêm những cá nhân vi phạm các nội quy, quy chế của ngành và của nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học, kế hoạch kiểm tra thường xuyên kiểm tra chuyên đề, đột xuất, kiểm tra sau kiểm tra, việc thực hiện Quy chế dân chủ, Quy chế chuyên môn, kiểm tra công tác CS,ND và GD trẻ tới 100% giáo viên, nhân viên trong trường, nhằm thúc đẩy tinh thần thi đua, sáng tạo, tâm huyết trong tập thể sư phạm, đánh giá thực chất CBQL, GVNV trong nhà trường.

- 100% CB,GV,NV trong toàn trường thay đổi tư duy quản lý, quản trị trường học, làm việc trong môi trường sư phạm thân thiện, tích cực phát huy vai trò trách nhiệm với công việc được phân công phụ trách.

- Nhà trường đã thực hiện thành lập các tổ chuyên môn: Tổ chuyên môn nhà trẻ có 31 người gồm giáo viên viên nhóm 1 tuổi ( 7 giáo viên) ; 2 tuổi ( 13 giáo viên) và nhân viên nuôi dưỡng ( 11 người); Tổ Mẫu giáo có 44 người gồm các giáo viên dạy lớp 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi và 01 Tổ Văn phòng gồm 04 người. Đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng CSNDGD trẻ: 100% giáo viên các lớp thực hiện lập kế hoạch, tổ chức bán trú, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách kế hoạch chuyên môn trong các lớp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Tổ nuôi dưỡng và Tổ văn phòng sử dụng phần mềm nuôi dưỡng và quản lý tài chính.

- 100% giáo viên các lớp thực hiện tốt chuyên đề “*XD trường MN lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025*”. Thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ thu hút được đông đảo phụ huynh tham gia tiêu biểu là hoạt động “*Làm chủ bộ đội*” cho trẻ 5 tuổi tại 3 khu.

- Nhà trường vẫn duy trì tốt hoạt động truyền thông tại trang thông tin điện tử của nhà trường với chuyên mục “Album hình ảnh đẹp”, đã chỉ đạo 100% giáo viên các lớp hàng ngày, hàng tuần thực hiện việc đăng tải video, hình ảnh đẹp của lớp, của trường do giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ thực hiện với chủ đề: Lớp học đẹp, khoảnh khắc hạnh phúc, những hành vi đẹp, người tốt việc tốt....

- Về công tác kiểm tra nội bộ: 100% CB, GV, NV thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, nhiệm vụ GDMN và Quy chế chuyên môn trong năm học. Trong học kì I - Ban giám hiệu, tổ chuyên môn đã thực hiện kiểm tra HĐSPNG được 15/64 giáo viên đạt tỷ lệ 23,4% so với kế hoạch đề ra. Kiểm tra hoạt động khác 15/64 giáo viên đạt tỉ lệ 23,4%. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, dự giờ thăm lớp, bếp ăn để bồi dưỡng chuyên môn, tư vấn thúc đẩy CBGVNV thực hiện tốt các nhiệm vụ.

- Đã tiến hành kiểm tra hồ sơ các nhóm lớp: Số bộ Hồ sơ được kiểm tra 31 bộ. Trong đó: Xếp loại tốt 31 bộ.

## **2. Công tác quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất hướng tới chuẩn hóa, hiện đại hóa.**

- Toàn trường có 31 nhóm/lớp: Nhà trẻ: 9 nhóm, Mẫu giáo 22 lớp, huy động được: 706 cháu. Trong đó: Nhà trẻ: 182/180 cháu đạt 101% KHG (*1T với 46 trẻ/2 nhóm; 2T với 136 trẻ/7 nhóm*); Mẫu giáo: 524. Trong đó trẻ học tại địa bàn 474 trẻ; Trẻ nơi khác đến học 50 trẻ (*3T với 137 trẻ/7 lớp; 4T với 191 trẻ/8 lớp; 5T với 196 trẻ/7 lớp*).

DSĐT Mẫu giáo: 503 trẻ. Trong đó trẻ học tại địa bàn: 474 trẻ; Trẻ đi học nơi khác 29 trẻ.

+ Riêng cháu 5 tuổi: DSĐT có 191 cháu, học tại địa bàn 174 cháu, đi học trái tuyến 17 cháu, đến học trái tuyến 22 cháu. Ra lớp 196 cháu

### **\* Biện pháp thực hiện:**

- Đã thực hiện tốt công tác điều tra số trẻ trên địa bàn xã.  
- Ngay từ đầu năm trường đã có kế hoạch giao chỉ tiêu số lượng cho các lớp và kết hợp cán bộ các thôn, xóm để tuyên truyền vận động phụ huynh cho trẻ ra lớp.

- Đã quan tâm đến việc nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục để huy động số lượng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu gửi con của phụ huynh.

- Nhà trường đã tập trung tăng cường CSVC, trang thiết bị cho các lớp 5 tuổi, đảm bảo đủ điều kiện về CSVC cho công tác phổ cập; Bảo đảm các điều kiện về giáo viên, CSVC, tài liệu, thiết bị, đồ chơi phục vụ cho hoạt động NDCSGD của trẻ tại trường; Phân công GV có năng lực phụ trách lớp 5 tuổi và nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo chế độ chính sách theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo để tăng cường sự chỉ đạo và quan tâm của cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện xã hội hóa giáo dục, vận động toàn dân cùng tham gia đóng góp về vật chất, công sức cũng như tinh thần cho công tác PCGDMNTNT. Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 238/2025/NĐ-CP Quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học tập, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Số trẻ được hỗ trợ chế độ chính sách trong học kì 1:

+ Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em Mẫu giáo ( $160.000đ/trẻ/tháng \times 4 tháng \times 8 trẻ$ ): 5.120.000 đồng.

+ Hỗ trợ chi phí học tập ( $150.000đ/trẻ/tháng \times 4 tháng \times 3 trẻ$ ): 1.800.000đồng.

- Chi trả phụ cấp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật trong học kì 1 năm học 2025-2026 (04 giáo viên: Duyên, Giang, Trần Lý, Đỗ Liên), tổng kinh phí: 41.177.000đồng.

### **3. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ:**

#### **3.1. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần:**

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Chỉ thị số 993/CT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT về tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong cơ sở GD và Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở GDMN; đã xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho trẻ, trong HK I nhà trường không có trường hợp trẻ bị tai nạn thương tích.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần, trong nhà trường không có bạo lực, được đảm bảo tuyệt đối về VSDD&ATTP, được kiểm tra sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng, được bảo đảm các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong công tác phòng chống các dịch bệnh. Duy trì thực hiện tổng vệ sinh ngoài lớp học vào 30 phút chiều thứ sáu hàng tuần. Lịch vệ sinh thực hiện hàng ngày, hàng tuần: Vệ sinh khăn mặt, ca cốc, đồ chơi, nội vụ nhóm lớp.

Luôn chú trọng nâng cao chất lượng thực hiện QCDC, đề cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kiểm tra, tự giám sát của nhà trường trong việc thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường:

+ Đã thực hiện việc kiện toàn Ban chỉ đạo công tác Y tế trường học, XD Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn VSTP, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ.

+ 100% nhân viên nuôi dưỡng được xác nhận kiến thức về ATTP và được khám sức khỏe định kỳ.

+ 100% giáo viên các lớp thực hiện tốt việc đón, trả trẻ từ tay phụ huynh, tuyệt đối không trả trẻ cho người lạ mặt. Thường xuyên kiểm tra phòng kho, nhà vệ sinh, hệ thống các vòi nước... tất các thiết bị điện đảm bảo an toàn.

+ Thực hiện tốt các biện pháp tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao mức ăn cho trẻ ở lớp, đảm bảo chế độ ăn phù hợp với trẻ suy dinh dưỡng và béo phì.

#### **3.2. Quản lý chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ.**

- Tổ chức ăn bán trú cho trẻ 31/31 nhóm, lớp. Tổng số trẻ tham gia ăn 683/706 cháu đạt 96,7% so với trẻ đến trường. Trong đó: Nhà trẻ: 164/182 cháu, tỷ lệ 90,1%; Mẫu giáo: 519/524 cháu, tỷ lệ 99%; Mức ăn: 22.000đ/trẻ/ngày.

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường, thực hiện nghiêm túc các văn bản của Sở GD&ĐT, UBND xã về vệ sinh ATTP, chịu trách nhiệm trước cha mẹ trẻ và cơ quan quản lý nhà nước về việc ký hợp đồng cung ứng.

- Xây dựng thực đơn phù hợp theo mùa, đảm bảo đa dạng các loại thực phẩm và rau xanh. Quản lý chặt chẽ chất lượng các bữa ăn tại nhà trường, đáp ứng các yêu cầu về ATTP, bảo đảm cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với cá nhân trẻ. Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. Nghiêm cấm vi phạm khẩu phần ăn của trẻ dưới mọi hình thức. Khuyến khích sự tham gia của cha mẹ trẻ trong việc giám sát quy trình tổ chức ăn và chất lượng bữa ăn cho trẻ tại trường.

- Nhà trường đã thành lập Ban giám sát VSATTP, quy trình tổ chức bữa ăn và chất lượng bữa ăn cho trẻ (gồm có BGH, giáo viên, nhân viên và đại diện cha mẹ trẻ).

- Đổi mới hình thức truyền thông quảng bá về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ bằng hình ảnh cho cha mẹ trẻ và cộng đồng biết về thực đơn ăn bán trú, các điều kiện, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ... tại bảng thông tin tuyên truyền và Website của nhà trường và qua zalo của các nhóm lớp.

- Đảm bảo ký kết hợp đồng chặt với các nhà cung ứng thực phẩm có đầy đủ điều kiện về tư cách pháp nhân, nhằm đảm bảo tuyệt đối về vệ sinh ATTP trong nhà trường. Cụ thể nhà trường đã thực hiện ký kết với 4 nhà cung ứng sau:

1. Lương thực, thực phẩm các loại: Công ty TNHH An Phước 299. Địa chỉ công ty: Đường 477, thôn Phúc Sơn, phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình. Người đại diện ông Trần Bùi Ngọc Anh Chức vụ: Giám đốc. Điện thoại 0983.194.229

2. Sữa chua Vinamilk: Công ty TNHH Chính Gấm, địa chỉ: Số nhà 8, tổ 1, phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện ông Tạ Văn Chính, chức vụ: Giám đốc.

3. Thực phẩm bổ sung (Sữa bột Mega Grow-IQ): Công ty TNHH Đức Quang Ninh Bình. Địa chỉ: SN 20, ngách 18/80 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện: Ông Đào Quang Tám- chức vụ Giám Đốc.

4. Chất đốt (Ga bình PETROLIMEX 12kg): Chi nhánh xăng dầu Ninh Bình- Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh. Người được ủy quyền là ông Nguyễn Văn Lý- Giám đốc chi nhánh. Địa chỉ: Quốc lộ 1A- Phường Hoa Lư- tỉnh Ninh Bình.

- 100% nhân viên nhà bếp được đi tập huấn về công tác vệ sinh ATTP, được xác nhận bồi dưỡng quy định về ATTP trong bếp ăn tập thể ít nhất là 01 lần/năm. CB,GV,NV toàn trường được khám sức khỏe định kỳ 1lần/năm. Đồng thời thực hiện nghiêm túc quy trình chế biến thức ăn theo quy trình 1 chiều từ khâu giao nhận, kiểm tra, sơ chế, chế biến, chia thức ăn và vận chuyển thức ăn về các lớp. Thực hiện nghiêm túc việc lưu mẫu thức ăn và công khai tài chính theo đúng quy định. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nuôi dưỡng, sử dụng có hiệu quả phần mềm “*Quản lý công tác bán trú*”.

- Tăng cường các hoạt động vệ sinh trong nhà trường, đẩy mạnh giáo dục cho trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe, bảo đảm

100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. Thực hiện tốt công tác cân đo lần 2 (Quý IV năm 2025) cho trẻ. Tổng số trẻ được cân toàn trường 706/706 cháu đạt 100% so với số trẻ đến trường. Trong đó:

- + Tổng số trẻ được cân đo 706/706 cháu, đạt tỷ lệ 100%
- + Cân nặng bình thường: 693/706 cháu, đạt 98,2%
- + Trẻ suy dinh dưỡng CN: 6/706 cháu, chiếm 0,8%
- + Trẻ thừa cân- béo phì: 7/706 cháu, chiếm 1,0%
- + Chiều cao bình thường: 690/706 cháu đạt 97,7%
- + Trẻ suy DD thấp còi: 16/706 cháu, chiếm 2,3 %

So với đầu năm SDD nhẹ cân giảm 1,1% (đầu năm 1,9% - tháng 12/2025 còn 0,8%), SDD thể thấp còi giảm 0,4%( đầu năm 2,7%- Tháng 12/2025 còn 2,3%). Thừa cân béo phì giảm 0,3%( đầu năm 1,3%- tháng 12/2025 là 1,0%).

- 100% các lớp thực hiện nghiêm túc lịch vệ sinh hàng ngày, hàng tuần, đảm bảo VSMT phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, giữ gìn vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp, thường xuyên khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, giữ gìn khu vệ sinh của trẻ an toàn, sạch sẽ, hợp vệ sinh, thuận tiện cho trẻ sử dụng.

- 100% nhóm lớp đảm bảo có đủ nước uống cho trẻ phù hợp với thời tiết. Đảm bảo đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ (cốc uống nước, khăn lau mặt, khăn lau miệng riêng có ký hiệu); thực hiện giặt khăn, tráng rửa cốc uống nước hàng ngày.

- 100% các nhóm lớp được trang bị đủ nước sát khuẩn, xà phòng rửa tay... Thường xuyên vệ sinh phòng lớp, giá đồ chơi, đồ chơi sạch sẽ. Có đủ đồ dùng ngủ (chăn, chiếu, phản, đệm, gối...). Phòng học có đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

- Đã chỉ đạo cán bộ phụ trách y tế xây dựng các Kế hoạch thực hiện công tác y tế trường học; các Phương án phòng chống tai nạn thương tích, phương án phòng, chống dịch; Kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phương án xử lý khi có ngộ độc thực phẩm. Có các hoạt động can thiệp, điều chỉnh chế độ ăn, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi và triển khai phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV ngay từ đầu năm học. Thường xuyên kiểm tra tử thuốc theo định kỳ để thay thế thuốc đã quá hạn sử dụng, bổ sung dụng cụ, đồ dùng y tế, cơ sở thuốc theo quy định.

### **3.3. Đổi mới hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN:**

Ban giám hiệu nhà trường đã chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026 để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chỉ đạo Tổ chuyên môn xây dựng chương trình giáo dục cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi, có ứng dụng PPGD tiên tiến Steam, phát huy thế mạnh của nhà trường theo đặc thù của địa phương. Thống nhất chú trọng dạy cho trẻ có những tố chất căn bản: khỏe mạnh, tự lập, tự tin, có ngôn ngữ giao tiếp lễ giáo mạch lạc, có hành vi thói quen văn minh, tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

- Căn cứ yêu cầu, kế hoạch nhiệm vụ năm học, thực tiễn các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nhà trường đã đầu tư trang bị các điều kiện thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, thực hiện tốt việc quản

lý, lựa chọn, sử dụng đồ chơi, tài liệu, học liệu quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020, Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05/11/2021 và các quy định khác của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường đã tổ chức cho trẻ khối 5T được tham gia hoạt động trải nghiệm “ **Làm chủ bộ đội**” nhân dịp kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

- 100% giáo viên chú trọng việc đưa nội dung giáo dục ATGT và hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi của trẻ, đảm bảo tính khoa học và sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế của trẻ từng nhóm, lớp.

- 100% giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức cho trẻ tham gia các HĐ tập thể tăng cường cho trẻ được thực hành trải nghiệm, tiếp xúc với thiên nhiên, tăng cường hoạt động múa hát (dân vũ), giao lưu tập thể, làm quen với bài hát Quốc ca, các hoạt động GDATGT phù hợp với độ tuổi, nhằm phát triển toàn diện cho trẻ.

- 100% GV thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về công tác phối hợp CS&GD trẻ và ủng hộ nguyên vật liệu để XDMT học tập cho trẻ.

- Nhà trường đã chỉ đạo 100% giáo viên lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trẻ phòng cháy, chữa cháy trong các hoạt động giáo dục trẻ: như tắt điện sau khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi sử dụng xong, cách phòng và bảo vệ bản thân khi xảy ra hỏa hoạn... để từ đó giúp các cháu hình thành ý thức tiết kiệm năng lượng và biết bảo vệ bản thân khi xảy ra hỏa hoạn ngay từ tuổi mầm non.

- Trong học kì 1 các tổ chuyên môn đã tổ chức được 4 chuyên đề: *“Hướng dẫn tổ chức hoạt động ăn - ngủ - sinh hoạt khoa học, phù hợp với từng độ tuổi trong cơ sở GDMN (Tháng 9/2025); Nâng cao kỹ năng xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong trường MN” (Tháng 10/2025); chuyên đề “Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ trong THCT GDMN” thông qua Hội giảng đợt I (Tháng 11/2025); “Bồi dưỡng giáo dục quyền con người gắn với chăm sóc, bảo vệ trẻ trong môi trường giáo dục” (Tháng 12/2025)* cho 265 lượt người tham dự.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội giảng đợt 1 với 35 giáo viên, nhân viên tham dự. Kết quả: Xếp loại Tốt 30/35 đạt 85.7%; xếp loại Khá 5/35 đạt 14.4%. Thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch và chỉ đạo giáo viên học BDTX theo lịch.

#### **4. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xã hội hóa và hội nhập Quốc tế.**

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Ngành về đổi mới, phát triển GDMN, truyền thông về GDMN, về ứng dụng phương pháp GD tiên tiến STEAM, về GDLLATGT, về GD kỹ năng sống, ... và khả năng vận dụng vào thực tiễn chương trình GDMN của nhà trường.

Khuyến khích đội ngũ cán bộ QL, giáo viên, nhân viên trong trường cải tiến, đổi mới hình thức truyền thông, quảng bá hình ảnh khẳng định thương hiệu, điều kiện, chất lượng hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của Nhà trường. Duy trì hoạt động kết nối và tương tác giữa các cô giáo với gia đình trẻ em, thông qua các hoạt động truyền thông tại trang Website của nhà trường và các nhóm Zalo, Facebook của từng lớp, để hướng dẫn cha mẹ/người chăm sóc trẻ thực hiện chế độ dinh dưỡng khoa học, chăm sóc sức khỏe, cách phòng chống dịch bệnh và tổ chức cho trẻ em vui chơi tại nhà, thông qua các bài tuyên truyền, các hình ảnh, video,

Clip (đã được nhà trường kiểm duyệt)... có nội dung về giáo dục kỹ năng chăm sóc sức khỏe, chế độ dinh dưỡng, cách chăm sóc sức khỏe của cá nhân, GDATGT và giáo dục kỹ năng sống để bảo vệ bản thân, tình cảm kỹ năng xã hội, kỹ năng tự phục vụ, vệ sinh phòng chống dịch bệnh, hoạt động thể chất, vui chơi, học qua chơi,... phù hợp với từng độ tuổi của trẻ, để phụ huynh phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà.

Thực hiện tốt các nội dung tuyên truyền tại bảng tin của Nhà trường và bảng tuyên truyền của lớp, các nội dung tuyên truyền phải được cập nhật theo từng tuần, theo tháng, theo các chủ đề sự kiện và chuyên mục trong năm học. Đảm bảo trên trang thông tin điện tử của nhà trường, mỗi tháng mỗi lớp có ít nhất 01 tin/bài về công tác CS,ND và giáo dục trẻ. Giáo viên các nhóm, lớp sẽ thực hiện truyền thông, đăng tải trên Website của trường các Video, hình ảnh đẹp, tin bài về xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, về GDLLATGT, về GD kỹ năng sống, về GD dinh dưỡng, sức khỏe, VSATTP, phòng chống dịch bệnh...

Chỉ đạo thực hiện việc tạo các nhóm zalo của trường, nhóm zalo của Ban giám hiệu, nhóm zalo của Chi bộ, nhóm zalo của GV-NV, nhóm zalo từng khối lớp, Nhóm zalo của BGH với Ban đại diện PH của trường, nhóm zalo của giáo viên với phụ huynh các lớp... để thực hiện việc đăng tải các nội dung cần trao đổi, thống nhất phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao.

#### **5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên:**

##### ***Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 82 người***

- Cán bộ quản lý: 3 người (Trình độ ĐH: 3 người; Trình độ LLCT: Trung cấp 3 người).

- Giáo viên: 64 người (Trình độ ĐH: 63 người). Trong đó: Biên chế 62 người. Hợp đồng theo NĐ111: 01 người: Hợp đồng khác: 01 người.

- Nhân viên KT: 01 người;

- Nhân viên nuôi dưỡng: 11 người; trình độ ĐH: 01 người, CĐ: 7 người; trung cấp và sơ cấp: 3 người.

- Nhân viên bảo vệ: 03 người.

##### ***Kết quả xếp loại tiêu chí thi đua do HĐTĐKT nhà trường xây dựng học kỳ I năm học 2025-2026***

- CBQL: Xếp loại Tốt 3/3

- Giáo viên: Xếp loại xuất sắc: 01/64  
Xếp loại Tốt 63/64.

- Nhân viên Nuôi dưỡng: 11/11 xếp loại Tốt

- Nhân viên kế toán và bảo vệ: xếp loại Tốt 4/4

- Tổ chức Hội nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn cho CBGVNV năm 2025 (có biên bản họp và hồ sơ chi tiết kèm theo). Kết quả có 7 người đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn: Đ/c Thùy, Hoàng Hà, Vũ Lệ, Trần Trang, Phạm Thùy, Đỗ Kim Liên, Trương Yến 93.

#### **6. Cơ sở vật chất, thiết bị và kinh phí cho GDMN:**

##### ***\* Quy hoạch đất đai, quy hoạch trường, lớp của địa phương:***

Đã tiếp nhận và đưa vào sử dụng nhà dinh dưỡng, hệ thống cổng tường rào khu Vĩnh Yên. Với tổng kinh phí 3.600.000.000đồng.

Khởi công xây dựng nhà học 2 tầng gồm 8 phòng học và các công trình phụ trợ khu Liên Phương.

Nhận quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 về chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo trường mầm non Yên Nhân – khu Vĩnh Yên : Hạng mục xây dựng tầng 2 nhà học 02 tầng 04 phòng học kết hợp các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ. Tổng mức đầu tư dự án: 12.600.000.000đồng.

Nhận quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa trường mầm non Yên Nhân, khu Bình Hải. Dự toán kinh phí thực hiện 4.000.000.000đồng.

**\* Các nội dung đã thực hiện để mua sắm, sửa chữa CSVC trong nhà trường:**

- Làm tốt công tác quản lý ngân sách của đơn vị thể hiện ở các mặt: Sử dụng tốt ngân sách được đầu tư, quản lý và sử dụng tốt nguồn thu từ phụ huynh; Làm tốt công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, công khai tài chính theo thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được nhà nước hỗ trợ.

Cụ thể:

**A. Ngân sách nhà nước.**

**I. Phần thu:**

STT	Nội dung	Số tiền
<b>I</b>	<b>KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN GIAO THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ</b>	<b>14.260.774.432</b>
*	<b>NGUỒN 13</b>	<b>14.285.962.432</b>
<b>1</b>	<b>Năm 2024 mang sang 2025 chi lương, phụ cấp..</b>	<b>475.915.432</b>
<b>2</b>	<b>Cấp đầu năm</b>	<b>13.664.321.000</b>
	- Cấp chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cấp đầu năm 2025	11.366.621.000
	- Cấp chi hoạt động	2.297.700.000
<b>3</b>	<b>Cấp bổ sung</b>	<b>145.726.000</b>
	- Cấp phụ cấp ưu đãi dạy trẻ khuyết tật học kỳ 2 năm học 2024- 2025	35.489.000
	- Cấp bổ sung quỹ lương năm 2025	110.237.000
<b>4</b>	<b>Tiết kiệm chi từ kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>25.188.000</b>
	<i>Nguồn 13 (nguồn kinh phí giao tự chủ ) năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm chi còn lại số tiền là:</i>	<i>14.260.774.432</i>
<b>II</b>	<b>KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN (NGUỒN 28)</b>	<b>25.188.000</b>
<b>III</b>	<b>KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN KHÔNG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ</b>	<b>1.484.021.000</b>
*	<b>NGUỒN 12</b>	<b>339.984.000</b>

<b>1</b>	<b>Cấp đầu năm gia hạn các phần mềm</b>	<b>11.000.000</b>
	- Cấp đầu năm gia hạn các phần mềm	11.000.000
<b>2</b>	<b>Cấp bổ sung</b>	<b>328.984.000</b>
	- Cấp bổ sung mua tài sản, trang thiết bị dạy học năm 2025	150.000.000
	- Cấp bổ sung để thực hiện công tác vệ sinh, khử khuẩn phòng học, bếp ăn, khu vui chơi, đồ dùng... phòng chống dịch bệnh cho trẻ thời điểm giao mùa	80.000.000
	- Cấp bổ sung chi các chế độ của trẻ học kỳ 2 năm học 2024 - 2025.	98.984.000
<b>*</b>	<b>NGUỒN 15</b>	<b>495.537.000</b>
	- Cấp bổ sung chi phụ cấp ưu đãi dạy trẻ khuyết tật học kỳ 1 năm học 2025- 2026.	41.177.000
	- Cấp bổ sung chi hỗ trợ học phí học kỳ 1 năm học 2025 - 2026.	447.440.000
	- Cấp bổ sung chi hỗ trợ chi phí học tập + hỗ trợ ăn trưa của trẻ mẫu giáo học kỳ 1 năm học 2025 - 2026.	6.920.000
<b>*</b>	<b>NGUỒN 18</b>	<b>648.500.000</b>
	- Cấp chi chế độ tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định 73/NĐ-CP.	648.500.000
<b>Tổng cộng thu</b>		<b>15.769.983.432</b>

**II. Phân chi:**

Nội dung		Dự toán	Số tiền đã chi	Số tiền chuyển nguồn sang năm 2026
<b>A. KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN GIAO THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ.</b>		<b>14.260.774.432</b>	<b>13.984.608.270</b>	<b>276.166.162</b>
<b>I. CHI LƯƠNG, PC VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP</b>		<b>11.909.811.062</b>	<b>11.633.644.900</b>	<b>276.166.162</b>
<b>Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</b>		<b>11.870.435.862</b>	<b>11.594.269.700</b>	<b>276.166.162</b>
<b>6000</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>6.736.417.962</b>	<b>6.460.251.800</b>	<b>276.166.162</b>
6001	Lương ngạch bậc	6.736.417.962	6.460.251.800	276.166.162
<b>6050</b>	<b>Tiền công trả cho LĐTX theo HĐ</b>	<b>77.567.400</b>	<b>77.567.400</b>	<b>0.000</b>
6051	Tiền công và phụ cấp ưu đãi cho giáo viên hợp đồng theo ND111/NĐ-CP	77.567.400	77.567.400	
<b>6100</b>	<b>Chi phụ cấp lương</b>	<b>3.357.902.700</b>	<b>3.357.902.700</b>	<b>0.000</b>

6101	Chức vụ	58.968.000	58.968.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi	2.303.990.100	2.303.990.100	
6113	PC trách nhiệm kế toán	2.808.000	2.808.000	
6115	PC thâm niên nghề	992.136.600	992.136.600	
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>1.698.547.800</b>	<b>1.698.547.800</b>	<b>0.000</b>
6301	Bảo hiểm xã hội	1.332.075.500	1.332.075.500	
6302	Bảo hiểm y tế	228.355.900	228.355.900	
6303	Kinh phí công đoàn	62.031.400	62.031.400	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	76.085.000	76.085.000	
<b>Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa dịch vụ</b>		<b>39.375.200</b>	<b>39.375.200</b>	<b>0.000</b>
<b>7000</b>	<b>Chi nghiệp vụ, chuyên môn</b>	<b>39.375.200</b>	<b>39.375.200</b>	<b>0.000</b>
7049	Chi khác ( chi tiền công và đóng bảo hiểm cho giáo viên dạy thay giáo viên nghỉ hưu và giáo viên nghỉ thai sản tháng 9,10,11 và tháng 12 năm 2025.	39.375.200	39.375.200	
<b>II. CHI HOẠT ĐỘNG</b>		<b>2.350.963.370</b>	<b>2.350.963.370</b>	<b>0</b>
<b>Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</b>		<b>191.030.000</b>	<b>191.030.000</b>	<b>0</b>
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</b>	<b>191.030.000</b>	<b>191.030.000</b>	<b>0</b>
6449	Chi khác ( chi bồi dưỡng trực trua)	191.030.000	191.030.000	
<b>Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa dịch vụ</b>		<b>2.111.727.370</b>	<b>2.111.727.370</b>	<b>-</b>
<b>6250</b>	<b>Phúc lợi tập thể</b>	<b>514.500.000</b>	<b>514.500.000</b>	<b>0</b>
6299	Chi các ngày lễ tết năm 2025	514.500.000	514.500.000	
<b>6500</b>	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>86.786.000</b>	<b>86.786.000</b>	<b>0</b>
6501	Tiền điện tháng 6,7,8,9 năm 2025	25.074.000	25.074.000	
6502	Tiền nước sạch năm 2025	61.712.000	61.712.000	
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>213.515.300</b>	<b>213.515.300</b>	<b>0</b>
6551	Mua văn phòng phẩm ( Giấy in, bìa màu.....)	18.915.300	18.915.300	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng ( bàn sơ chế thực phẩm, bàn soạn thực phẩm, bàn chặt thực phẩm, xe vận chuyển thực phẩm, tủ ssuwnngj chẵn, chiếu, bàn hoạt động góc, tủ đựng đồ dùng cá nhân...)	174.800.000	174.800.000	
6553	Khoán văn phòng phẩm	19.800.000	19.800.000	

<b>6600</b>	<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b>	<b>12.118.390</b>	<b>12.118.390</b>	<b>0</b>
6605	Cước Internet	11.118.390	11.118.390	
6649	Phí gia hạn công thông tin điện tử và gia hạn chữ ký số đầu thầu.	1.000.000	1.000.000	
<b>6700</b>	<b>Công tác phí</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>0</b>
6704	Khoản công tác phí kế toán	3.000.000	3.000.000	
<b>6750</b>	<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>152.001.600</b>	<b>152.001.600</b>	<b>0</b>
6757	Thuê lao động trong nước ( Thuê trông coi bảo vệ trường và quét sân trường thuê phun thuốc muỗi)	152.001.600	152.001.600	
<b>6900</b>	<b>Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ CTCM</b>	<b>197.865.000</b>	<b>197.865.000</b>	<b>0</b>
6949	Làm khu vui chơi trải nghiệm, khu phát triển vận động tại điểm trường khu Vĩnh Yên.	197.865.000	197.865.000	
<b>6950</b>	<b>Mua sắm TS phục vụ CTCM</b>	<b>487.250.000</b>	<b>487.250.000</b>	<b>0</b>
6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	0	-	
6955	Lắp điều hòa 18000 BTU và 12000 BTU cho lớp và phòng hiệu bộ.	351.750.000	351.750.000	
6999	Máy giặt sấy Samsung Bespoke AI Inverter giặt 21 kg - sấy 12 kg: 03 cái x 25.600.000đ/cái; mua 02 nồi cháo công nghiệp....	135.500.000	135.500.000	
<b>7000</b>	<b>Chi nghiệp vụ, chuyên môn</b>	<b>411.108.080</b>	<b>411.108.080</b>	<b>0</b>
7001	Hàng hóa, vật tư phục vụ cho CM ( mua cỏ nhân tạo, búp bê bé trai, gái, bảng quay hai mặt...)	64.502.000	64.502.000	
7049	Chi khác ( Chi nước uống học sinh; trực trưa từ T1-T5; thăm định giá mua hàng hóa, mua hồ sơ, sổ sách; kẹo khai giảng...)	346.606.080	346.606.080	
<b>7050</b>	<b>Mua sắm tài sản vô hình</b>	<b>33.583.000</b>	<b>33.583.000</b>	<b>0</b>
7053	Mua phần mềm và phí gia hạn phần mềm	33.583.000	33.583.000	
<b>Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác</b>		<b>48.206.000</b>	<b>48.206.000</b>	<b>0</b>
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>36.506.000</b>	<b>36.506.000</b>	<b>0</b>
7756	Chi phí thăm định giá mua sắm hàng hóa, trang thiết bị và chi thuê tư vấn gói thầu mua sắm hàng hóa, trang thiết bị phục vụ dạy và học.	3.456.000	3.456.000	
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	3.750.000	3.750.000	
7799	Chi khác ( mua chậu hoa, cây cảnh: hoa cúc.....)	29.300.000	29.300.000	

<b>7900</b>	<b>Chi cho các sự kiện lớn</b>	<b>11.700.000</b>	<b>11.700.000</b>	<b>0</b>
7903	Mua cảnh đào, cây quất, đèn lồng, chong chóng trang trí Tết.	11.700.000	11.700.000	
<b>B. KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN KHÔNG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ.</b>		<b>1.484.021.000</b>	<b>1.484.021.000</b>	<b>0</b>
<b>I. Nguồn 12</b>		<b>339.984.000</b>	<b>339.984.000</b>	<b>0</b>
<b>Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</b>		<b>22.516.000</b>	<b>22.516.000</b>	<b>0</b>
<b>6150</b>	<b>Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên</b>	<b>22.516.000</b>	<b>22.516.000</b>	<b>0</b>
6157	Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mẫu giáo	3.000.000	3.000.000	
6199	Các khoản hỗ trợ khác ( hỗ trợ phương tiện học tập, học bổng cho học sinh khuyết tật là con hộ cận nghèo và hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo)	19.516.000	19.516.000	0
	- Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo học kỳ 2 năm học 2024 - 2025.	9.600.000	9.600.000	
	- Hỗ trợ phương tiện học tập, học bổng cho học sinh khuyết tật là con hộ cận nghèo học kỳ 2 năm học 2024 - 2025.	9.916.000	9.916.000	
<b>Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa dịch vụ</b>		<b>241.000.000</b>	<b>241.000.000</b>	<b>0</b>
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>58.270.000</b>	<b>58.270.000</b>	<b>0</b>
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng (thùng rác 03 ngăn; giá ú cốc 5 tầng; bộ bàn ghế cao su sơn màu..)	58.270.000	58.270.000	
<b>6750</b>	<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>0</b>
6757	Thuê LĐ trong nước	36.494.000	36.494.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác	43.506.000	43.506.000	
<b>6950</b>	<b>Mua sắm TS phục vụ CTCM</b>	<b>91.730.000</b>	<b>91.730.000</b>	<b>0</b>
6999	Tài sản và thiết bị khác ( tum hút khói; tủ sấy bát, loa kéo di động....)	91.730.000	91.730.000	0
<b>7050</b>	<b>Mua sắm tài sản vô hình</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>0</b>
7053	Thanh toán phí gia hạn phần mềm ( PM Quản lý tài sản, PM kế toán, PM Khoản thu)	11.000.000	11.000.000	
<b>Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác</b>		<b>76.468.000</b>	<b>76.468.000</b>	<b>0</b>

<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>76.468.000</b>	<b>76.468.000</b>	<b>0</b>
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục theo chế độ học kỳ 2 năm học 2023 - 2024.	76.468.000	76.468.000	0
<b>II. Nguồn 15</b>		<b>495.537.000</b>	<b>495.537.000</b>	<b>0</b>
<b>* Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp</b>		<b>41.177.000</b>	<b>41.177.000</b>	<b>0</b>
<b>6100</b>	<b>Chi phụ cấp lương</b>	<b>41.177.000</b>	<b>41.177.000</b>	<b>0</b>
6112	Phụ cấp ưu đãi dạy trẻ Khuyết tật K1-2025-2026	41.177.000	41.177.000	0
<b>Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</b>		<b>6.920.000</b>	<b>6.920.000</b>	<b>0</b>
<b>6150</b>	<b>Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên</b>	<b>6.920.000</b>	<b>6.920.000</b>	<b>0</b>
<b>6157</b>	<b>Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mẫu giáo</b>	<b>1.800.000</b>	<b>1.800.000</b>	<b>0</b>
<b>6199</b>	<b>Các khoản hỗ trợ khác (hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo)</b>	<b>5.120.000</b>	<b>5.120.000</b>	<b>0</b>
	- Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo học kỳ 1 năm học 2025 - 2026.	5.120.000	5.120.000	0
<b>Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác</b>		<b>447.440.000</b>	<b>447.440.000</b>	<b>0</b>
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>447.440.000</b>	<b>447.440.000</b>	<b>0</b>
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục theo chế độ học kỳ 2 năm học 2023 - 2024.	447.440.000	447.440.000	0
<b>III. Nguồn 18</b>		<b>648.500.000</b>	<b>648.500.000</b>	
<b>Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</b>		<b>648.500.000</b>	<b>648.500.000</b>	
<b>6200</b>	<b>Tiền thưởng</b>	<b>648.500.000</b>	<b>648.500.000</b>	<b>0</b>
6201	Chi thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ - CP	648.500.000	648.500.000	0
<b>Tổng cộng (A+B):</b>		<b>15.744.795.432</b>	<b>15.468.629.270</b>	<b>276.166.162</b>
<b>C. KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN ( Nguồn 28)</b>		<b>25.188.000</b>	<b>25.188.000</b>	
<b>Tổng cộng (A+B+C):</b>		<b>15.769.983.432</b>	<b>15.493.817.270</b>	<b>276.166.162</b>

**Nguồn chi lương còn dư chuyển sang năm 2026: 276.166.162 đồng**

\* Nguồn 15: Kinh phí không thường xuyên không thực hiện chế độ tự chủ sau 30/9: 495.537.000 đồng (Trong đó: cấp chi chế độ cho học sinh kỳ 1 năm học 2025-2026: 454.360.000 đồng gồm hỗ trợ học phí: 447.440.000 đồng; hỗ trợ chi phí học tập: 1.800.000 đồng; hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo: 5.120.000 đồng; chi phụ cấp ưu đãi dạy trẻ khuyết tật học kỳ I năm học 2025 – 2026: 41.177.000 đ) Cụ thể:

\*Cấp chi chế độ cho học sinh kỳ 1 năm học 2025-2026: 454.360.000 đồng:

TT	Nội dung	Học kỳ I năm học 2025 - 2026		Tổng học kỳ I năm học 2025 - 2026		Ghi chú
		Số học sinh	Số tiền chi	Số học sinh	Số tiền chi	
1	Học sinh được hưởng chế độ miễn, giảm học phí.	702	447.440.000	702	447.440.000	
2	Học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập.	3	1.800.000	3	1.800.000	
3	Học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ ăn trưa.	8	5.120.000	8	5.120.000	
Tổng cộng		713	454.360.000	713	454.360.000	

### C. Các khoản thu học kỳ I năm học 2025-2026:

#### 1. Học phí:

\* Tổng thu - chi:

STT	Học kỳ	Thu (ĐVT:đồng)	Chi (ĐVT: đồng)	
			60%	40%
1	Cấp hỗ trợ học phí HKI năm học 2025- 2026	447.440.000	268.464.000	178.976.000
<b>Cộng HKI năm học 2025 - 2026</b>		<b>447.440.000</b>	<b>268.464.000</b>	<b>178.976.000</b>

**Cụ thể chi 60% học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026 gồm:**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Lắp đặt đường dây điện 3 pha cấp nguồn cho hệ thống điều hoà tại ba điểm trường: Điểm trường Bình Hải, điểm trường Vĩnh Yên, Điểm trường Liên Phương.	gói	1	42.585.000	42.585.000
2	Sửa chữa hệ thống điện, nước tại 03 khu: Sửa chữa điện, nước lớp học, dây điện, bóng, atomat, hộp số quạt trần....	gói	1	22.320.000	22.320.000
3	Ôp nhựa khu trải nghiệm Vĩnh Yên (xương sắt)+ Phào góc bao quanh + Ôp nhựa tường hông khu trải nghiệm (không xương). Bạt cuộn che nắng bếp Vĩnh Yên	gói	1	48.495.000	48.495.000

4	Mua đồ dùng khu trải nghiệm Vĩnh Yên.	gói	1	48.250.000	48.250.000
5	Sơn sửa lại phòng lớp 5TB Liên Phương bị chập điện cháy	gói	1	10.254.650	10.254.650
6	Mua bổ sung máy in cho chuyên môn	cái	1	7.500.000	7.500.000
7	Mua cỏ nhân tạo cho điểm trường khu Vĩnh Yên.	m2	250	180.000	45.000.000
8	Sửa chữa ti vi, máy vi tính( thay main, thay nguồn, thay màn hình, con chip, chuột, bàn phím.... ) và máy in ( thay trống máy in, gạt....)	gói	1	8.570.000	8.570.000
9	Chi tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định 73/2024 cho Hợp đồng 111/NĐ-CP	người	1	5.896.800	5.896.800
10	Phun thuốc diệt côn trùng tại 03 điểm trường.	m2	3250	4.860	15.795.000
11	Mua cờ dây, cờ Đảng, cờ Tổ quốc cho 3 điểm trường.	gói	1	13.697.550	13.697.550
<b>Cộng</b>					<b>268.464.000</b>

**Tính đến thời điểm 31/12/2025 nguồn chi thường xuyên cân đối còn: 659.557.324 đồng. Trong đó:**

+ Nguồn 13: Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp chuyển sang năm 2026 là: 276.166.162 đồng

+ Nguồn học phí (40% cải cách tiền lương): 383.391.162 đồng.

- 40% năm học 2024-2025 là: 204.415.162 đồng

- 40% học kì I năm học 2025-2026 là: 178.976.000 đồng

**2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ học tập học kì I năm học 2025-2026.**

STT	Tên khoản thu	Thu	Chi	Tồn
1	Tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh học kỳ 1 năm học 2025 - 2026	55.890.000	55.890.000	0
2	Tiền thuê nhân viên nấu ăn học kỳ 1 năm học 2025- 2026.	276.864.000	276.864.000	0
3	Tiền mua bổ sung đồ dùng bán trú năm học 2025- 2026.	56.080.000	56.080.000	0

4	Tiền điện học kỳ 1 năm học 2025- 2026.	41.970.000	38.100.092	3.869.908
5	Tiền ăn bán trú học kỳ 1 năm học 2025- 2026.	1.085.327.200	1.003.833.800	81.493.400
<b>Cộng học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>		<b>1.516.131.200</b>	<b>1.430.767.892</b>	<b>85.363.308</b>

**Cụ thể như sau:**

**2.1. Tiền ăn bán trú của trẻ:** Mức thu 22.000đ/trẻ/xuất.

STT	Tháng, năm	Thu	Chi	Tồn
1	Tồn năm học 2024-2025 mang sang			1.200
2	Tháng 9/2025	239.250.000	170.464.800	68.786.400
3	Tháng 10/2025	283.096.000	242.276.000	109.606.400
4	Tháng 11/2025	257.708.000	179.157.400	188.157.000
5	Tháng 12/2025	305.272.000	411.935.600	81.493.400
<b>Cộng học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>		<b>1.085.326.000</b>	<b>1.003.833.800</b>	<b>81.493.400</b>

*Chi mua lương thực, thực phẩm, chất đốt, sữa bột, sữa chua: 1.003.833.800 đồng*

*Tiền ăn ngày 29, 30 và 31 tháng 12 năm 2025 thanh toán vào tháng 01 năm 2026.*

**2.2. Tiền chăm sóc bán trú (Thuê người nấu ăn) chi trả qua tài khoản cá nhân của 11 nhân viên nuôi dưỡng. Mức thỏa thuận: 103.000đ/trẻ/tháng.**

STT	Tháng, năm	Thu	Chi		Tồn
			Lương	Đóng bảo hiểm	
1	Tháng 9/2025	276.864.000	167.760.000	30.240.000	78.864.000
2	Tháng 10/2025				
3	Tháng 11/2025				

4	Tháng 12/2025		64.464.000	14.400.000	0
<b>Cộng học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>		<b>276.864.000</b>	<b>232.224.000</b>	<b>44.640.000</b>	<b>0</b>

**2.3 Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng nhà bếp phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (Mức thỏa thuận: 80.000đ/học sinh/năm học)**

STT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Thu tiền mua đồ dùng bán trú năm học 2025 - 2026	56.080.000		56.080.000
2	Thanh toán tiền mua máy tăng áp, máy xay sinh tố, máy xay thịt ...phục vụ nấu ăn bán trú cho học sinh tại 03 điểm trường.		12.850.000	43.230.000
3	Thanh toán tiền mua chậu nhựa, rổ nhựa, khăn lau tay, bát con...phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh tại 03 điểm trường.		20.150.618	23.079.382
4	Thanh toán tiền mua dao, rổ, rá, chậu inox, bát tô inox, muôi, thìa inox...phục vụ công tác nấu ăn bán trú cho học sinh tại 03 điểm trường.		8.585.000	14.494.382
5	Thanh toán tiền mua chiếu cói phục vụ công tác nuôi dưỡng, giáo dục cho 31 nhóm lớp tại 03 điểm trường .		14.421.400	72.982
6	Thanh toán phí chuyển tiền qua Kho bạc nhà nước tháng 12 năm 2025		72.982	0
<b>Cộng học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>		<b>56.080.000</b>	<b>56.080.000</b>	<b>0</b>

**2.4. Tiền vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh (Mức thỏa thuận: 20.000đ/trẻ/tháng)**

STT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Thu tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh học kỳ 1 năm học 2025 - 2026	55.890.000		55.890.000
2	Thanh toán tiền mua nước lau sàn; nước tẩy nhà vệ sinh; xà phòng Ô Mô phục vụ vệ sinh trường, lớp học kỳ 1 năm học 2025- 2026.		3.720.000	52.170.000

3	Thanh toán tiền mua nước lau sàn; nước tẩy nhà vệ sinh; xà phòng rửa tay Lifeboy phục vụ vệ sinh trường, lớp học kỳ 1 năm học 2025- 2026.		11.925.000	40.245.000
4	Thanh toán tiền mua giấy vệ sinh phục vụ vệ sinh trường, lớp học kỳ 1 năm học 2025- 2026.		1.796.400	38.448.600
5	Thanh toán tiền mua giấy vệ sinh phục vụ vệ sinh trường, lớp học kỳ 1 năm học 2025- 2026.		5.988.000	32.460.600
6	Thanh toán tiền mua nước lau sàn; nước tẩy nhà vệ sinh; và xà phòng rửa tay LIFEBOUY phục vụ vệ sinh trường, lớp học kỳ 1 năm học 2025- 2026.		10.621.000	21.839.600
7	Thanh toán tiền mua hàng hóa phục vụ vệ sinh trường lớp học kỳ 1 năm học 2025-2026 tại 03 điểm trường (chổi, xô, chậu, ...)		18.205.800	3.633.800
8	Thanh toán tiền mua túi bóng đựng 20kg rác phục vụ vệ sinh cho 31 nhóm lớp và 03 bếp tại 03 điểm trường.		3.629.864	3.936
9	Thanh toán phí chuyển tiền qua Kho bạc nhà nước tháng 12 năm 2025		3.936	0
<b>Cộng học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>		<b>55.890.000</b>	<b>55.890.000</b>	<b>0</b>

### 2.5. Tiền điện ( *Mức thỏa thuận: 20.000đ/trẻ/tháng* )

STT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Thu tiền điện học kỳ I năm học 2025 - 2026	41.970.000		41.970.000
2	Thanh toán tiền điện tháng 10 năm 2025 tại 03 điểm trường ( mã khách hàng PNYM000012545; PNYM000003793; PNYM 000112024) theo thông báo tiền điện ngày 03/11/2025.		16.447.500	25.522.500
3	Thanh toán tiền điện tháng 11 năm 2025 tại 03 điểm trường ( mã khách hàng PNYM000012545; PNYM000003793; PNYM 000112024) theo thông báo tiền điện ngày 03/12/2025.		10.316.100	15.206.400

4	Thanh toán tiền điện tháng 12 năm 2025 tại 03 điểm trường ( mã khách hàng PNYM000012545; PNYM000003793; PNYM 000112024) theo thông báo tiền điện ngày 03/01/2026.		11.336.492	3.869.908
<b>Cộng học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>		<b>41.970.000</b>	<b>38.100.092</b>	<b>3.869.908</b>

### **7. Đẩy mạnh xã hội hóa và hội nhập quốc tế; Tăng cường truyền thông về Giáo dục mầm non.**

- Nhà trường đã chỉ đạo và thực hiện tốt hoạt động truyền thông, triển khai quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ, Sở về đổi mới và phát triển GDMN. Thường xuyên phối hợp với UBND xã, các ban ngành đoàn thể của địa phương, đài truyền thanh của xã, các bậc phụ huynh để tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường như tổ chức các ngày hội ngày lễ (Khai giảng năm học mới, Tết trung thu, 20/11,...), công tác chiêu sinh, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Tổ chức họp CMHS để tuyên truyền về chương trình dạy trẻ các độ tuổi; Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và các biện pháp nuôi dạy con khoa học, cách phòng tránh dịch bệnh....

- Đã thành lập Ban đại diện của CMHS lớp và của trường, các nhóm Zalo, Facebook của trường, các nhóm lớp để trao đổi thông tin 2 chiều với phụ huynh kịp thời và thực hiện việc đăng tải các nội dung cần trao đổi, thống nhất phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao.

- CB, GV, NV của nhà trường đã biết khai thác các nền tảng công nghệ để truyền thông nâng cao về nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ. Đẩy mạnh phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng về chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh.

- Nhà trường đã có trang thông tin điện tử; 100% các nhóm lớp có bảng tin, chuyên mục Album hình ảnh đẹp, đặc biệt các lớp đẩy mạnh đổi mới hình thức truyền thông giới thiệu quảng cáo về lớp, nhà trường, điều kiện và các hoạt động, chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng GD trẻ...

- Tăng cường công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng, tuyên truyền thu hút trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập... bằng nhiều hình thức phù hợp như: Thông qua các buổi họp phụ huynh, giờ đón và trả trẻ, qua bảng tuyên truyền, băng zôn, khẩu hiệu, pano, áp phích, qua các phương tiện thông tin đại chúng, GV kẻ vẽ tranh tường... quan tâm đến hình thức và nội dung tuyên truyền tại các nhóm lớp tạo sự đồng thuận ủng hộ chăm lo của cha mẹ học sinh tới GDMN.

### **8. Kết quả thực hiện cuộc vận động và phong trào thi đua**

\* Giải pháp:

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện lồng ghép nội dung “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” trong giáo dục mầm non cho trẻ ở các độ tuổi mẫu giáo theo tài liệu của Bộ GD&ĐT.

- Cán bộ, giáo viên nêu cao ý thức trách nhiệm thực hiện tính trung thực trong công tác quản lý trường, quản lý nhóm lớp, đờc giao (Báo cáo, thực hiện công khai giám sát...)

- Tích cực phối hợp với các tổ chức và các ban ngành đoàn thể chỉ đạo có chiều sâu, nâng cao chất lượng và hiệu quả của phong trào thi đũa: “*Xây dựng trường học xanh-sạch-đẹp-an toàn-hạnh phúc*”. Tiếp tục xây dựng môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, giữ mối quan hệ, ứng xử thân thiện, tăng cường đổi mới phương pháp giáo dục nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của trẻ, hình thành ở trẻ các phẩm chất mạnh dạn, tự tin trong mọi hoạt động, thân thiện với mọi người xung quanh, lễ phép trong giáo tiếp, ứng xử.

\* Kết quả cụ thể:

- Giáo viên đã biết lồng ghép các nội dung “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” vào trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Qua đó giáo dục lòng biết ơn và kính trọng Bác Hồ.

- 100% giáo viên không vi phạm đạo đức nhà giáo, học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách của Bác Hồ.

- Có công trình vệ sinh riêng cho trẻ và giáo viên đảm bảo yêu cầu tối thiểu cho 100% các nhóm lớp

- Mỗi nhóm, lớp có 1 thùng rác (theo quy định tại danh mục thiết bị tối thiểu các độ tuổi).

- Giáo viên các lớp tổ chức tốt các trò chơi dân gian, lập kế hoạch, thiết kế bài dạy có nội dung dạy hát, nghe hát các làn điệu dân ca vào các hoạt động giáo dục: âm nhạc, ngày hội ngày lễ, đi dạo, tham quan...

- Rèn kỹ năng sống cho trẻ: Kỹ năng tự phục vụ, nề nếp thói quen, vệ sinh cá nhân, hành vi văn minh, kỹ năng tự bảo vệ an toàn bản thân, mạnh dạn trong giao tiếp, thân thiện với bạn bè, lễ phép với người lớn...

### **9. Công tác quản lý:**

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Thực hiện công tác thu chi đúng theo các văn bản hướng dẫn của các cấp, thực hiện công khai tài chính theo quy định.

- Công tác đánh giá xếp loại CBGVNV và thi đũa đã đờc đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên nghiêm túc hàng tháng.

- Công tác chăm lo đời sống CB-GV-NV đờc đảm bảo quyền lợi chế độ công khai dân chủ trong toàn trường.

- 100% giáo viên tích cực tham gia “*XD trường mầm non Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn- Hạnh phúc*” cho trẻ, đã biết tạo môi trường mở cho trẻ hoạt động tại lớp để phát huy tính chủ động và sáng tạo của trẻ. Đã xây dựng khu sáng tạo cho trẻ hoạt động tại các khu vực lan can và gầm cầu thang. Đồng thời đi sâu vào việc giáo dục kỹ năng sống và kỹ năng tự phục vụ cho trẻ.

- Đã chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống các dịch bệnh trong nhà trường.

## **III- Đánh giá chung việc thực hiện nhiệm vụ học kỳ I, năm học 2025– 2026.**

### **1. Những ưu điểm chính**

- Đã thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục, 100% CB, GV, NV tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại nhà trường. Tích cực đổi mới tư duy quản lý quản trị nhà trường. Ban giám hiệu, các Tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên phát huy vai trò làm việc trong môi trường sư phạm thân thiện, giúp đỡ đồng nghiệp, cùng nhau tiến bộ.

- Nhà trường đã chủ động thực hiện tốt công tác tuyên truyền, công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới, chỉ đạo và hướng dẫn GV, NV thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026, đảm bảo duy trì kết nối giữa nhà trường với gia đình và trẻ em.

- Hoàn thành 100% kế hoạch về số lượng cả trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện: Đảm bảo mức ăn theo kế hoạch xây dựng trong năm học: 22.000 đồng/trẻ/ngày. Trẻ đến trường được đảm bảo an toàn, các cháu được chăm sóc sạch sẽ, khoẻ mạnh góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng so với đầu năm.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN, chế độ sinh hoạt ngày. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức tốt hội giảng, chuyên đề theo kế hoạch đã xây dựng. Làm tốt công tác giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật, toàn trường có 02 cháu khuyết tật học GDHN tại lớp 5TA-VY và lớp 4TA- Bình Hải.

- Đã thực hiện kế hoạch tu sửa, mua sắm bổ sung các thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo hướng hiện đại, trang trí tạo cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện phục vụ cho các hoạt động vui chơi, dạy và học của giáo viên và các cháu được cán bộ, nhân dân, phụ huynh hết sức phấn khởi và tin tưởng.

- Làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo để tăng cường CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học của trẻ tại trường.

## **2. Những tồn tại hạn chế.**

- Tỷ lệ cháu ăn chuyên cần chưa đạt 100%.

- Công tác nuôi dưỡng của nhân viên nuôi đôi khi chưa gọn gàng sạch sẽ.

- Công tác vệ sinh môi trường của các khu lớp đôi lúc chưa chủ động, chưa kịp thời và chưa thường xuyên theo lịch hàng tuần đã triển khai trong đầu năm học.

- Các phòng học khu Liên Phương đang được thi công xây dựng nên phần nào ảnh hưởng đến công tác NDCSGD trẻ.

- Cả 3 điểm trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

## **IV. Những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp lớn trong học kỳ II.**

1. Ổn định số lượng trẻ hiện có. Tuyên truyền vận động phụ huynh cho trẻ đi học đầy đủ đúng giờ. .

2. Có các biện pháp sáng tạo để vận động phụ huynh cho trẻ ăn bán trú tại trường.

3. Tiếp tục chăm sóc tốt sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ trong trường mầm non. Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống các dịch bệnh trong nhà trường.

4. Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực của trẻ. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới công tác hội họp. Tiếp tục cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cơ bản. Áp dụng các phương pháp tiên tiến để áp dụng dạy trẻ.

5. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng với yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

6. Tăng cường kỷ cương nề nếp ở mọi hoạt động như: đảm bảo chế độ sinh hoạt ngày. Soạn giáo án và chuẩn bị đồ dùng chu đáo trước khi lên lớp, nâng cao hiệu quả giờ dạy, đánh giá học sinh đúng quy định.

7. Chuẩn bị tốt mọi điều kiện tổ chức hoạt động trải nghiệm “Xuân ấm áp-tết yêu thương”; hội thi của trẻ.

8. Đổi mới công tác quản lý đặc biệt là việc kiểm tra nội bộ trường học, kiểm tra chuyên môn, dự giờ thăm lớp dưới nhiều hình thức, đổi mới công tác thi đua khen thưởng. Thực hiện tốt công khai và quy chế dân chủ ở cơ sở.

9. Thực hiện tốt công tác phổ cập Giáo dục. Duy trì vững chắc kết quả công tác phổ cập giáo dục TENT.

10. Hoàn thiện các điều kiện tiêu chuẩn thực hiện công tác kiểm định chất lượng trường mầm non năm học 2025-2026.

12. Tiếp tục cải tạo sân vườn giữ môi trường cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp. Tăng cường bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho hoạt động dạy và học.

#### **V. Kiến nghị, đề xuất:**

Lãnh đạo các cấp đơn đốc nhà thầu thực hiện đúng tiến độ thi công xây dựng nhà học 2 tầng gồm các phòng và các công trình phụ trợ khu Liên Phương.

Kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ nhà trường hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của luật đất đai.

Trên đây là báo cáo sơ kết học kỳ I và một số nhiệm vụ trọng tâm trong học kỳ II năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Yên Nhân./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng VH-XH xã;
- CBGVNV trong trường;
- Trang Website của trường;
- Lưu HSQL;

**HIỆU TRƯỞNG**

**Mai Thị Thu Hương**